

Số: **103** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **18** tháng **4** năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV Giáo dục và Xây dựng Đường Việt; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 25/3/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH MTV Giáo dục và Xây dựng Đường Việt;

Mã số thuế: 3702617335;

Địa chỉ: Số 30/39, Tổ 27 Khu 5, Võ Thành Long, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Địa chỉ: Số 424/49, Tổ 2 Khu 7, Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

3. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1088**.

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp, thay thế cho Giấy chứng nhận số 1251/GCN-BXD ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Giáo dục và Xây dựng Đường Việt;
- SXD Bình Dương (phối hợp);
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT. *my*

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh
Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1088
(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 102./GCN-BXD, ngày 18 tháng 4 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử (*)
(1)	(2)	(3)
	XI MĂNG	
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003
2.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:1995
3.	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:1995 ASTM C109-11 AASHTO T106-11 EN 196-1:2005
	CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006
3.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4.	X/đ khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
5.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
6.	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9.	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006
11.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
12.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
13.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
2.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3.	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:1993
4.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:1993
5.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
6.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:1993
7.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
8.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:1993
9.	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:1993
10.	Xác định cường độ kéo khi bừa của bê tông	TCVN 3120:1993
11.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
12.	Phương pháp VEBE xác định độ cứng của bê tông	TCVN 3107:1993; ASTM C 1170
13.	Xác định hàm lượng Sunfate	TCVN 9336:2012
14.	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ cấu kiện	TCXDVN 239:2006; ASTM C42-18
15.	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:1993; ASTM C232
16.	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông nặng	TCVN 3111:1993; ASTM C173; C231
17.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012

18.	Thiết kế cấp phối bê tông xi măng	QĐ số 778/1998 QĐ-BXD
VỮA XÂY DỰNG		
1.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
2.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
3.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
4.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
5.	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2003
6.	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2003
7.	X/định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
8.	Thiết kế cấp phối vữa	TCVN 4459: 1987
GẠCH, NGÓI XÂY		
1.	Gạch xây, gạch xi măng lát nền xác định: cường độ nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt	TCVN 6355:09 TCVN 6065:95 ASTM C67-12 AASHTO T32-10
2.	Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
3.	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
4.	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
5.	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:2013
6.	Gạch Granito: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn lớp mặt và độ chịu lực xung kích; Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN, NHÂN TẠO		
1.	Kiểm tra kích thước, ngoại quan và chất lượng bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
2.	Xác định kích thước và hình dáng; Xác định độ hút nước; Xác định độ bền uốn; xác định độ bền rạn mem; Xác định độ bền chống bám bẩn; Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 6415:2016
3.	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
4.	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2016
THẠCH CAO, BỘT BÀ		
1.	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon; Xác định độ cứng; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định cường độ nén; Xác định độ biến dạng; Xác định độ hút nước; Xác định nhô đỉnh; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8256:2009; TCVN 8257:2009
2.	Thử nghiệm bột bà: độ mịn, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ giữ nước, độ bám dính, hàm lượng lưu huỳnh dễ bay hơi	TCVN 7239:14; TCVN 6017:15; TCVN 4030:03
3.	Thử nghiệm khung trần, khung vách, thử nghiệm mối nối thạch cao	TCVN 5408:07; TCXDVN 363:06; ASTM D 3882:08; ASTM 635:13, C645:18, A370, BSS EN 13963:14
THÉP XÂY DỰNG		
1.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
2.	Thử uốn	TCVN 198:1985
3.	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:10
4.	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
5.	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:10
6.	Kiểm tra chất lượng ống thép – Thử nén bẹp	EN 10255 :04 ASTM A370 :11
RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ, LƯỚI THÉP		
1.	Đường kính dây đan/bọc PVC; đường kính dây viên/bọc PVC;	BS 1052:01

	Cường độ khi kéo đứt lõi thép; Độ dãn dài khi kéo đứt lõi thép	
2.	Kích thước mắt lưới; Trọng lượng riêng lớp PVC	ASTM D792-09
3.	Cường độ kéo đứt lớp PVC; Độ dãn dài khi kéo đứt lớp PVC; Modul đàn hồi ở 100% độ dãn dài khi kéo PVC	ASTM D412-06
4.	Sức chịu đựng nhiệt độ cao 105 ⁰ C lớp PVC	ASTM D1203-89
	ĐẤT	
1.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195: 2012
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012
3.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012
4.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 2014
5.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012
6.	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:2006
7.	Quy trình đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
8.	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D2434, TCVN 8723: 2012
	BÊ TÔNG NHỰA	
1.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp dùng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011
3.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng bê tông nhựa dạng rời	TCVN 8860-4:2011
5.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; ASTM D3203;
12.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245;
13.	Thí nghiệm cường độ chịu nén của bê tông nhựa	22TCN 62-84; AASHTO T167
14.	Thiết kế thành phần cấp phối B.T.N theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
1.	Xác định hình dáng bên ngoài	22 TCN 58:1984
2.	Xác định thành phần hạt	22 TCN 58:1984
3.	Xác định lượng mất khi nung	22 TCN 58:1984
4.	Xác định hàm lượng nước	22 TCN 58:1984
5.	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1984
6.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984
7.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984
8.	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984
9.	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984
10.	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58:1984
11.	Xác định độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22 TCN 58:1984
	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG POLIME	
1.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2.	Xác định độ giãn dài	TCVN 7496:2005
3.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005
4.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005

5.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng	TCVN 7499:2005
6.	Xác định lượng hóa tan trong Trychloroethylene	TCVN 7500:2005
7.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
8.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005
VẢI ĐỊA, BẮC THẨM VÀ LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT		
1.	Độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2013; ASTM D 5199:91
2.	Xác định khối lượng đơn vị thể tích	ASTM D 5261:91
3.	Kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô.	TCVN 8871-7:2011; ASTM D4751:91
4.	Sức kháng xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTMD6241;
5.	Vải địa kỹ thuật - xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632;
6.	Xác định lưu lượng thấm qua bắc thẩm	ASTMD 4716: 91
7.	Xác định lưu lượng thấm qua vải địa kỹ thuật	ASTMD 4491:91
8.	Trọng lượng đơn vị	TCVN 8221:2013; ASTMD3776
9.	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
10.	Xác định áp lực kháng bụi của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-5:2011
11.	Vải địa kỹ thuật - xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	TCVN 8485:2010; ASTM D 4595
12.	Vải địa kỹ thuật - xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011
13.	Kích thước lỗ chiều dọc, chiều ngang, độ dày nhỏ nhất chiều dọc, độ dày nhỏ nhất chiều ngang	ASTM D4759:2
HIỆN TRƯỜNG		
1.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02-71; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012
2.	XĐ độ ẩm, khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006
3.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:2011
4.	Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
5.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tẩm ép cứng	TCVN 8861:2011; 22TCN 211:2006
6.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
7.	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
8.	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
9.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
10.	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2012
11.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735: 2000
12.	Kiểm tra không phá hủy – phương pháp dùng bột từ	TCVN 4396: 1986
13.	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
SƠN		
1.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
2.	Sơn -phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
3.	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo xác định: Màu sắc; Thời gian khô; Độ bền nhiệt; Độ chống trượt; Nhiệt độ hóa mềm; Độ mài mòn; Khối lượng riêng; Độ dính bám	TCVN 8791:2011; ASTM D6628
4.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ nước xác định:	TCVN 8786:2018 <i>Ng</i>

	Độ mịn; Độ nhớt; Màu sắc; Độ bám dính; Độ chống loang màu; Độ mài mòn	
5.	Sơn tường dạng nhũ tương xác định: Độ bám dính, Độ rửa trôi, Độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 2097:2015 TCVN 8653-4:2012 TCVN 8653-5:2012
	NHŨ TƯƠNG AXIT	
1.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
2.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
3.	Xác định lượng hạt quá cỡ (thử nghiệm rây sàng)	TCVN 8817-4:2011
4.	Xác định hàm lượng nhựa trong nhũ tương	TCVN 8817-9:2011
5.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
	NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
1.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
2.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
3.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
4.	Xác định hàm lượng ion clorua Cl ⁻	TCVN 6194:96
5.	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96
6.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:78
7.	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
8.	Xác định vẩn dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012
	KÍNH	
1.	Kính xây dựng xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
2.	Kính phẳng tối nhiệt xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ cong vênh; Ứng suất bề mặt của kính; Độ bền va đập bị rơi; Độ bền va đập con lắc.	TCVN 7455:2013
3.	Kính dán dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp xác định: Sai lệch kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm; Khuyết tật ngoại quan; Thử độ bền; Thử độ va đập bị rơi, con lắc	TCVN 7364:2004 TCVN 7368:2013
	ỐNG NHỰA PVC – HDPE, ỐNG NHỰA	
1.	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434:2004; TCVN 9066-1:2012
2.	Xác định độ giãn dài	TCVN 9070:2012; TCVN 9066-1:2012
3.	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007; ISO 3126
4.	Xác định độ bền va đập bên ngoài, độ cứng	TCVN 6144:20303; TCVN 9070:2012
5.	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9066-3:2012; TCVN 9067-3:2012
6.	Xác định độ bền với áp suất bên trong	TCVN 9067:2012; TCVN 9070:2012, TCVN 4149:2009 ISO 1167
7.	Xác định độ biến dạng hình học và áp lực nén bên ngoài của ống	TCVN 8699:2011; TCVN 9070:2012
8.	Xác định độ biến dạng khi ngâm trong dầu	ASTM D471
	DÂY, CÁP ĐIỆN, CÁP QUANG	
1.	Ruột dẫn cáp cách điện xác định: Số sợi, mật cách danh nghĩa, thử kéo, độ dẫn dài khi kéo, điện trở ruột dẫn ở 20°C	TCVN 5933:1995
2.	Cáp và dây dẫn mềm xác định chỉ tiêu cơ học của lớp cách điện và vỏ: thử kéo, độ dẫn dài khi kéo	TCVN 5582-1991
3.	Chiều dày, độ bền kéo, độ dẫn dài của lớp cách điện XLPE, PVC	TCVN 5935:2013; IEC 60502.2009
4.	Vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang xác định: Chiều dày, kích thước	TCVN 6614:2008; IEC 60811

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.